TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **78**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 18/3/2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Phương Lan ; Ông Chu Trần Vĩnh ;

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Thúy, Thư ký TAND quận Bắc Từ Liêm.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 361/2021/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/QĐ-HPT ngày 28/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng L, sinh năm 1971; ĐKNKTT: phường C, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Nơi ở: phường C, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Quốc H, sinh năm 1960; ĐKNKTT: phường C, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Nơi ở: phường C, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 26/11/2021 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng L trình bày:

Bà kết hôn với ông Đỗ Quốc H trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 27/11/1992 tại UBND phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, ông bà sống ở thành phố Việt Trì, đến năm 2007, ông bà chuyển đến sống tại phường C, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Hôn nhân của ông bà không hạnh phúc do hai vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, ông H ghen tuông vô cớ, nói những lời xúc phạm đến bà. Ông bà đã sống ly thân được khoảng 03 năm, mỗi người ở một nơi, không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Bà và ông H có hai con chung là Đỗ Phạm Thái N, sinh ngày 09/6/1996 và Đỗ Phạm Nhật N, sinh ngày 03/7/2002. Các con chung của ông bà đã trưởng thành và khỏe mạnh nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà và ông H tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông bà không có nợ chung.

Tại bản tự khai đề ngày 07/12/2021 và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn, ông Đỗ Quốc H trình bày:

Ông H thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như bà L trình bày. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống ở thành phố Việt Trì. Đến năm 2007, ông bà chuyển về sống tại phường C, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống nhiều năm có những lúc vợ chồng bất hòa do vấn đề kinh tế, bà L nóng giận và nói nộp đơn ly hôn. Ông nghĩ bà L chỉ nói ly hôn trong lúc nóng giận, thiếu suy nghĩ. Ông bà sống ly thân được khoảng 03 năm. Ông đã nhắn tin cho bà L và bảo con của ông bà nhắn bà L về nhà để trao đổi ý kiến, giải quyết mâu thuẫn gia đình nhưng bà L không về. Ông không đồng ý ly hôn với bà L và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Ông và bà L có hai con chung là Đỗ Phạm Thái N, sinh ngày 09/6/1996 và Đỗ Phạm Nhật N, sinh ngày 03/7/2002. Các con của ông bà đã trưởng thành và khỏe mạnh nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông và bà L tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông bà không có nợ chung.

Tại phiên tòa: Bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa giải quyết ly hôn cho bà và ông H. Ông H vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Các đương sự trong vụ án cư trú tại quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm theo quy định tại Điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc xét xử vắng mặt ông H: Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tại cho ông H nhưng ông H đều vắng mặt tại phiên tòa, không có lí do. Hơn nữa, ông H đã có bản tự khai và ý kiến về việc giải quyết vụ án trong biên bản hòa giải tại Tòa án nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Hội.

[2] Về nội dung:

2.1. Về tình cảm : Bà Phạm Thị Hồng L và ông Đỗ Quốc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 27/11/1992 tại UBND phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn, theo bà L, ông bà chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, ông H ghen tuông vô cớ, nói những lời xúc phạm đến bà, theo ông H thì ông bà có những lúc bất hòa do vấn đề kinh tế, quan điểm sống. Tuy lý do về mâu thuẫn hai bên đưa ra là khác nhau nhưng ông bà đều khẳng định hai vợ chồng đã ly thân khoảng 03 năm và hai bên không có biện pháp gì để cải thiện mâu thuẫn. Ông H không đồng ý ly hôn nhưng ông cũng không có biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Xét bà L và ông H không còn tình cảm, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng hướng tới mục đích chung là xây dựng hôn nhân, gia đình. Mâu thuẫn giữa ông bà trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà L xin ly hôn với ông H là có căn cứ. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông H.

2.2. Về con chung : Bà L và ông H có hai con chung là Đỗ Phạm Thái N, sinh ngày 09/6/1996 và Đỗ Phạm Nhật N, sinh ngày 03/7/2002. Các con của ông bà đã trưởng thành, khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Ông bà không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Liên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí ; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Phạm Thị Hồng L đối với ông Đỗ Quốc H.

2. Bà Phạm Thị Hồng L được ly hôn ông Đỗ Quốc H.

3. Bà Phạm Thị Hồng L và ông Đỗ Quốc H có 02 con chung là Đỗ Phạm Thái N, sinh ngày 09/6/1996 và Đỗ Phạm Nhật N, sinh ngày 03/7/2002 đã trưởng thành.

4. Về tài sản chung, nhà đất: Ông bà tự giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

5. Về nợ chung : Không có.

6. Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng theo biên lai số 42826 ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm nay chuyển thành án phí. Bà L đã nộp đủ án phí.

7. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND, VKSND TP Hà Nội;
- VKSND; CC THADS Bắc Từ Liêm;
- UBND P.Tân Dân, Việt Trì (Số 21/1991);
- Lưu hồ sơ; Văn thư.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Loan